

Bản án số: 78/2026/HNGĐ-ST

Ngày 17-4- 2026

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Trọng Thanh

2. Ông Nguyễn Văn Thực.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 367/2025/TLST- HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2026/QĐXX-ST ngày 16 tháng 3 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 37/2026/QĐ -ST, ngày 01 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Phùng Thị L**, sinh năm 1987

Địa chỉ: **thôn V, xã D, tỉnh Hưng Yên.**

2. Bị đơn: anh **Ngô Văn Đ**, sinh năm 1981

Địa chỉ: **thôn V, xã D, tỉnh Hưng Yên.**

(chị **L** có mặt, anh **Đ** vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Phùng Thị L** trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh **Ngô Văn Đ** kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 18-10-2005 tại trụ sở Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) **xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình nay là xã D, tỉnh Hưng Yên.** Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên hay xảy ra cãi nhau, anh **Đ** thường xuyên uống rượu say và đánh, chửi chị nên chị phải bỏ về nhà bố mẹ để đẻ sinh sống sau đó

anh Đ lại tìm chị về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chỉ được một thời gian ngắn vợ chồng lại xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào năm 2021, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở để sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về nuôi con chung: chị và anh Đ có 02 con chung là Ngô Minh T, sinh ngày 08-6-2007 và Ngô Hoàng N, sinh ngày 17-5-2014, hiện con chung Ngô Minh T đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết; nếu ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Hoàng N, không yêu cầu anh Đ phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị đang làm công nhân, thu nhập bình quân từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện kinh tế để nuôi con, hơn nữa anh Đ thường xuyên uống rượu có lời nói ảnh hưởng đến tâm sinh lý của con.

Về chia tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ngô Văn Đ vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại biên bản xác minh ông Ngô Văn LI là bố đẻ anh Ngô Văn Đ cung cấp: Hiện nay anh Đ đang đi làm công ty tại Hải Phòng, sáng đi tối về gia đình. Sau khi nhận các văn bản của Tòa án gửi ông để ông giao cho anh Đ, ông đã giao, thông báo toàn bộ các văn bản cho anh Đ gồm giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Anh Đ đã biết nội dung hiện nay Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh Đ và chị L, quan điểm của anh Đ như sau:

Về hôn nhân: anh và chị L kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình nay là xã D, tỉnh Hưng Yên vào ngày 18-10-2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên chị L đã về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nếu chị L nhất quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: anh và chị L có 02 con chung là Ngô Minh T, sinh ngày 08-6-2007 và Ngô Hoàng N, sinh ngày 17-5-2014, hiện con chung Ngô Minh T đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu giải quyết, nếu ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Hoàng N, không yêu cầu chị L phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh (hiện anh đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Hoàng N).

Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của cháu **Ngô Hoàng N**, cháu **N** trình bày: cháu là con chung của bố **Đ** và mẹ **L**, nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký Tòa án đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị **L** thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, anh **Đ** không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh **Đ** vắng mặt lần thứ 2 nên Tòa án đã xét xử vắng mặt anh **Đ** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị **Phùng Thị L** và anh **Ngô Văn Đ**. Về nuôi con chung: xử giao cho chị **Phùng Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Ngô Hoàng N**, sinh ngày 17-5-2014. Anh **Đ** không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **L**. Anh **Đ** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Về chia tài sản chung: không giải quyết. Về án phí: chị **Phùng Thị L** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và tố tụng: chị **Phùng Thị L** khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh **Ngô Văn Đ**, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên đã tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án cho anh **Đ**, anh **Đ** biết việc Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên đang thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa chị **L** và anh **Đ** nhưng do anh **Đ** không đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **Đ** theo trường hợp bị đơn vắng mặt theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: chị **Phùng Thị L** kết hôn với anh **Ngô Văn Đ** tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình nay là xã D, tỉnh Hưng Yên** vào ngày 18-10-2005, là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hòa thuận, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, chị **L** và anh **Đ** không khắc phục được đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2024 đến nay. HĐXX thấy chị **L** và anh **Đ** mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị **L** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh **Đ**, anh **Đ** biết được Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị **L** và anh **Đ**, anh **Đ** đề nghị Tòa án hòa giải, Tòa án đã triệu tập anh **Đ** đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên hòa giải nhưng anh **Đ** không đến thể hiện anh **Đ** không có thiện chí hòa giải. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị **L**, xử cho chị **L** được ly hôn anh **Đ** là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: chị **L** và anh **Đ** có 02 con chung là **Ngô Minh T**, sinh ngày 08-6-2007 và **Ngô Hoàng N**, sinh ngày 17-5-2014, hiện cháu **T** đã trưởng thành và tự lập về kinh tế nên không đặt ra yêu cầu giải quyết. Đối với con chung **Ngô Hoàng N**, chị **L** và anh **Đ** đều có nguyện vọng xin trực tiếp nuôi con, HĐXX thấy nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu **N** của chị **L** và anh **Đ** là chính đáng tuy nhiên anh **Đ** đi làm công ty sáng đi tối về không có thời gian để chăm sóc con; hơn nữa cháu **N** có nguyện vọng ở cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn, vì vậy để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cho con chung cần giao con chung **Ngô Hoàng N** cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện nuôi con hoàn toàn của chị **L**, không yêu cầu anh **Đ** góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **L** là phù hợp với quy định của Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về chia tài sản*: chị **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh **Đ** chưa có trình bày trực tiếp về tài sản nên HĐXX chưa xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Hưng Yên về nội dung giải quyết vụ án phù hợp nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[6] *Về án phí*: chị **L** phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: cho ly hôn giữa chị **Phùng Thị L** và anh **Ngô Văn Đ**.

2. *Về nuôi con chung*: xử giao cho chị **Phùng Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Ngô Hoàng N**, sinh ngày 17-5-2014. Anh **Đ** không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **L**. Anh **Đ** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản chung*: chưa giải quyết.

4. *Về án phí*: chị **Phùng Thị L** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị **L** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004401 ngày 29-12-2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Hưng Yên (chị **L** đã nộp đủ).

5. *Về quyền kháng cáo*: nguyên đơn chị **Phùng Thị L** có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh **Ngô Văn Đ** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND khu vực 8, tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 8 - Hưng Yên;
- UBND xã Diên Hà;
- Lưu hồ sơ, lưu HC - TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Bích Thủy

